TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ - ST
Ngày 26/8/2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đức Cường

Ông Lê Đức Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2020/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị H, sinh năm 1996 (có mặt)

ĐKHKTT: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- *Bị đơn:* Anh Lê Đức Đ1, sinh năm: 1995 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/3/2020, bản tự khai ngày 19/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Đức Đ1 xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 04 tháng 6 năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh

Đ1 không quan tâm đến vợ con mà chỉ lo chơi bời, lô đề, cờ bạc, không chịu làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã. Mặc dù chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh Đ1 vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2017 đến nay. Hiện nay, chị không có thai nghén gì. Xác định mẫu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị không còn tình cảm gì với anh Đ1. Vì vậy chị xin được ly hôn với anh Lê Đức Đ1.

Về con chung: Chị và Anh Đ1 có 01 con chung là Lê Thị Bảo C, sinh ngày 27/7/2015. Hiện cháu đang ở với mẹ và ông bà ngoại.

Nguyện vọng của chị H khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do con là con gái hơn nữa hiện nay gia đình anh Đ1 có bố đang làm ở thành phố Thanh Hóa, mẹ đang đi nước ngoài, anh Đ1 đang đi làm công ty nên không có ai chăm sóc con. Gia đình bên ngoại có ông bà ngoại đang khỏe mạnh, có đủ khả năng và điều kiện chăm sóc cháu hơn. Hiện nay chị đang đi làm ở Hà Nội, thu nhập hàng tháng là 8.000.000đ. Chị cam kết có đủ điều kiện để nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết về phần tài sản chung.

Về công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai ngày 11/5/2020 và quá trình giải quyết vụ án anh Lê Đức Đ1 trình bày:

Về hôn nhân: Về quá trình kết hôn, anh thống nhất với ý kiến của chị H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh nghi ngờ chị H quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên tình cảm vợ chồng trở nên lạnh nhạt. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đều im lặng nên mâu thuẫn không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ năm 2017 đến nay. Hiện nay, chị H không có thai nghén gì. Tại bản tự khai ngày 11/5/2020, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung, nhưng nếu chị H không đồng ý thì anh cũng chấp nhận ly hôn. Quá trình hòa giải, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên thống nhất ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Bảo C, sinh ngày 27/7/2015. Hiện cháu đang ở với mẹ và ông bà ngoại.

Nguyện vọng của anh Đ1 khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do hiện nay chị H đang đi làm ở Hà Nội, anh làm công ty gần nhà, anh cũng xác nhận bố anh đang đi làm ở thành phố, mẹ đi nước ngoài nhưng anh vẫn có nguyện vọng mong muốn được trực tiếp nuôi con. Hiện nay anh đang làm ở Công ty Tám Lộc, có mức thu nhập bình quân hàng tháng 10.000.000đ đến 15.000.000đ. Anh

cam kết có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con. Về cấp dưỡng: Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung: Anh Đ1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 13/7/2020 với thôn trưởng thôn Đ, xã T, huyện N và biên bản xác minh ngày 13/7/2020 tại UBND xã T xác định về con chung: Anh Đ1 và chị H có 01 con chung là Lê Thị Bảo C, sinh ngày 27/7/2015. Hiện cháu đang ở với mẹ và ông bà ngoại. Hiện nay, gia đình anh Đ1 chỉ còn anh Đ1 ở nhà, bố anh Đ1 đang đi làm ở thành phố, mẹ đi nước ngoài, anh Đ1 không có công việc ổn định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 49 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đ1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt anh Đ1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị H được ly hôn anh Đ1, giao cháu Lê Thị Bảo C cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét. Về án phí, chị H phải chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Nông Cống nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn anh Lê Đức Đ1 có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên việc chị Lê Thị Hoa yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS. Anh Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên

tòa lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên HĐXX xét xử vắng mặt anh Đ1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Lê Đức Đ1 có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh, chị đã sống ly thân hơn 3 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện chị H không có thai nghén gì. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H xin ly hôn anh Đ1. Về phía anh Đ1 cũng đồng ý nên chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh Đ1 có 01 con chung là Lê Thị Bảo C, sinh ngày 27/7/2015, hiện đang ở với chị H, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng nuôi con. Về phía anh Đ1 cũng có nguyện vọng nuôi con không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của chị H và anh Đ1 đều mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là nguyện vọng chính đáng. Tuy nhiên, xét về điều kiện hoàn cảnh: Hiện nay, gia đình anh Đ1 chỉ có anh Đ1 ở nhà, ông bà nội đều đi làm ăn xa, theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương anh Đ1 không có công việc ổn định, thường xuyên vắng nhà. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử anh Đ1 không có mặt tại địa phương, nên không thể giao con cho anh Đ1 trực tiếp nuôi dưỡng trong lúc này. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xét.

[4] *Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung:* Chị H, anh Đ1 không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[5] *Về án phí*: Chị H khởi kiện vụ án ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/UBTVQH14;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Đức Đ1.

2. Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cháu Lê Thị Bảo C, sinh ngày 27/7/2015 đến khi thành niên và có khả năng lao động, chị H không yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng nuôi con nhưng anh Đ1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2017/0002213 ngày 16/3/2020. Chấp nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị H, vắng mặt anh Đ1**.** Chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đ1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS;
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT. TH13.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình